

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên; bà Bùi Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến
Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày
23/3/2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương
sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1992

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1986

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Thái
Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Lương Thị L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 29/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Trọng thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ con. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 06 năm nay, đầu năm 2021 chị cùng các con về nhà bố mẹ đẻ tại xã H, huyện K sinh sống, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn T.

Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 22/11/2015, hiện cả hai con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con vì các con đang học tập và có cuộc sống ổn định. Hiện tại chị là công nhân tại Công ty may V, chị làm việc theo giờ hành chính nên có thời gian để chăm sóc các con, thu nhập bình quân từ 6.500.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn anh Trọng là lao động tự do, việc làm và thu nhập không ổn định.

Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Nguyễn T không trình bày lời khai, không tham gia tố tụng tại Tòa án.

*) Bà Vũ Thị X (mẹ đẻ chị Lương Thị L) trình bày:

Chị Lương Thị L và anh Nguyễn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh Trọng, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống và anh Trọng không có trách nhiệm với vợ con. Đến đầu năm 2021, chị L cùng 02 con về nhà bà sinh sống đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, anh T không quan tâm hỏi han gì đến vợ con. Bà thấy chị L và anh T không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị L và anh T có 2 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Tiến Tr, sinh ngày 22/11/2015, từ khi chị L cùng hai con về nhà bà sinh sống thì bà và gia đình đã hỗ trợ chị L trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con, các cháu học tập tốt, sức khỏe bình thường, đề nghị Tòa án giao các con cho L trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị L, bà và gia đình sẽ tiếp tục hỗ trợ chị L trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Chị L là công nhân may, thu nhập khoảng 6.800.000 đồng/tháng, anh Tg là lao động tự do, thu nhập thế nào bà không rõ

Tài sản chung của chị L và anh T như thế nào thì bà không rõ, vợ chồng không có nợ cá nhân, tổ chức, đoàn thể nào.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh T cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Lương Thị L và anh Nguyễn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K theo quy định. Quá trình chung sống, chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời, sử dụng bạo lực với chị L, đại diện thôn đã nhiều lần đến nhà khuyên bảo, hòa giải vợ chồng nhưng không thành. Chị L cùng các con về nhà mẹ đẻ tại xã H sinh sống, vợ chồng đã ly thân. Việc chị L và anh T đoàn tụ là rất khó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L và anh T có 2 con chung như chị L đã trình bày là đúng, hiện nay cả 2 con đang ở cùng chị L, từ khi các cháu còn nhỏ cho đến bây giờ đều do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, các cháu mạnh khỏe, phát triển bình thường về tâm sinh lý. Đề nghị Tòa án giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì anh Tr không có việc làm ổn định, hay lang thang, không tu chí làm ăn.

Về tài sản chung của chị L và anh T địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Nguyễn T.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 22/11/2015. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn T không có mặt tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do. Nguyên đơn là chị Lương Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Lương Thị L và anh Nguyễn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và xô xát, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con và sử dụng bạo lực với chị L, đại diện thôn đều đã phải đến nhà khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đến đầu năm 2021 chị L và anh T ly thân, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Nguyễn T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 22/11/2015; hiện nay cả 02 con đều ở cùng chị L. Ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Chị L có chỗ ở, có việc làm và thu nhập, các con đang có cuộc sống và học tập ổn định, chị L còn được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con, vì vậy chị L có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Tiến T là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp nguyện vọng của con. Do chị L không yêu cầu anh Trọng cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh Trọng chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Nguyễn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 22/11/2015. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị L và anh T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Lương Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001580 ngày 23/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- UBND Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái